**Phụ lục III**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: TH-THCS NGUYỄN CHÍ THANH**  **TỔ: TỰ NHIÊN**  Họ và tên giáo viên: Mai Ngọc Liên | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6**

(Năm học 2021-2022)

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học | Số tiết | Thời điểm | Thiết bị dạy học | Địa điểm dạy học |
| *Chủ đề: MỞ ĐẦU (7tiết)* | | | | | |
| 1 | Bài 1: Giới thiệu về khoa học tự nhiên | 1 | Tuần 1 | -Hình ảnh về hoạt động của con người trong cuộc sống (Từ hình 1.1 đến 1.6 – SGK/6) và một số hình ảnh tham khảo khác  - Hình ảnh thể hiện vai trò của khoa học tự nhiên (Từ hình 1.7 đến 1.10 – SGK/7) | *lớp học* |
| 2 | Bài 2: Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên | 2 | Tuần 1 | - Hình ảnh hoặc video về các lĩnh vực KHTN  - Dụng cụ, hóa chất, vật liệu, vật thể theo bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhóm Vật lí** | **Nhóm Hóa học** | **Nhóm Sinh học** | **Nhóm Khoa học Trái Đất và bầu trời** | | - 3 quả nặng 50g.  - 2 lò xo.  - 1 giá thí nghiệm.  - Thước đo. | - 2 cốc thủy tinh.  - 2 đũa thủy tinh.  - 2 chiếc thìa.  -Muối ăn, đường, dầu ăn, xăng, nước. | - Một ít hạt đậu xanh.  - 2 chậu nhỏ.  - Nước.  - Bông.  - Đất. | - Quả Địa Cầu.  - Đèn pin. | | *lớp học* |
| 3 | Bài 3: Một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | 4 | Tuần 1,2 | - Video hoặc Infograpic liên quan đến nội dung về các quy định an toàn trong phòng thực hành  - Kính lúp, kính hiển vi quang học. Bộ mẫu vật tế bào cố định hoặc mẫu vật tươi, lamen, lam kính, nước cất, que cấy....  - Video liên quan đến nội dung về cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học để quan sát mẫu vật  - Một số dụng cụ đo lường thường gặp trong học tập môn KHTN: Cân đồng hồ, nhiệt kế, ống đong, pipet, cốc đong.... | *phòng học bộ môn /lớp học* |
| *Chủ đề 1: Các phép đo (9 tiết+1 tiết ôn tập)* | | | | | |
| 4 | Bài 4: Đo chiều dài | 2 | Tuần 2,3 | -Bộ dụng cụ đo chiều dài\*  -Hình 4.2 (a,b,c,d) SGK/19 hoặc 1 số loại thước đo chiều dài: thước dây, thước cuộn, thước mét, thước kẻ,  -Hình ảnh: cây cầu dài nhất thế giới ở Trung Quốc, xa lộ Liên Mỹ, Vạn lí trường thành; nguyên tử phân tử, hạt electron,  -Bảng số liệu chiều cao theo lứa tuổi. | *lớp học* |
| 5 | Bài 5: Đo khối lượng | 2 | Tuần 3 | -Bộ dụng cụ đo khối lượng, nhiệt độ\*  -Hình ảnh 5.2 (a,b,c) SGK/23 hoặc 1 số loại cân: cân Robecval, cân đòn, cân đồng hồ, cân điện tử..  -Mẫu vật khác (nếu cần): trái cây, đường, nước, bình chia độ, cốc, thìa, ống hút... sổ ghi chép, bút | *lớp học* |
| 6 | Bài 6: Đo thời gian | 2 | Tuần 3,4 | -Bộ dụng cụ đo thời gian\*  -Hình ảnh 6.1 SGK/27 về các dụng cụ sử dụng đo thời gian từ trước đến nay.  -Đoạn video chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về thời gian  -Mẫu vật: 1 đồng hồ đeo tay (đồng hồ treo tường); 1 đồng hồ điện tử (đồng hồ trên điện thoại); 1 đồng hồ bấm giờ cơ học. | *lớp học* |
| 7 | Bài 7: Thang nhiệt độ Celsius. Đo nhiệt độ | 2 | Tuần 4 | -Bộ dụng cụ đo nhiệt độ\*  -3 cốc nước có nhiệt độ khác nhau, sổ ghi chép, bút  -Hình ảnh 7.2; 7.3; 7.4; 7.5; 7.6 SGK/32-33, mẫu vật các loại nhiệt kế: nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế rượu, nhiệt kế điện tử… | *lớp học* |
| 8 | Ôn tập chủ đề 1 | 1 | Tuần 5 | Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về các phép đo; hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| *Chủ đề 2: Các thể của chất (3 tiết)* | | | | | |
| 9 | Bài 8. Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất | 3 | Tuần 5 | -Bộ tranh/ảnh mô tả sự đa dạng của chất\*  -Bộ Tranh/ảnh về sơ đồ biểu diễn sự chuyển thể của chất\*  (Hoặc: hình ảnh 8.1 đến 8.17 SGK/35-42)  - Thiết bị, dụng cụ, hóa chất\*: Nhiệt kế lỏng/cảm biến nhiệt độ; Cốc thuỷ tinh loại 250ml; Nến (Parafin) rắn  -Các bộ thí nghiệm:  + Đo nhiệt độ sôi của nước: giá TN, đèn cồn, bật lửa, bình cầu, nước cất, nhiệt kế, ống thủy tinh chữ l, nút cao su.  + Tìm hiểu tính tan: 2 cốc nước, dầu ăn, muối, đũa.  + Đun nóng đường: bát sứ, đường, giá TN, đèn cồn, bật lửa.  + Làm nóng chảy nến: bát sứ, nến, giá TN, đèn cồn, bật lửa.  + Đun sôi và làm lạnh nước: cốc thủy tinh chứa nước, giá thí nghiệm, đèn cồn, bật lửa, bình cầu chứa nước lạnh. | *lớp học* |
| *Chủ đề 3: Oxygen và không khí (4 tiết)* | | | | | |
| 10 | Bài 9. Oxygen | 1 | Tuần 6 | - Hình 9.1; 9.2; 9.3; 9.4 SGK/44-46  - Dụng cụ, hóa chất cho 6 nhóm: 06 bình tam giác có nắp kín chứa đầy khí oxygen có dán STT nhóm, 12 que đóm dài, 6 bật lửa, nến  -Dụng cụ, hóa chất điều chế oxi\*: Ống nghiệm; Ống dẫn thuỷ tinh chữ z; Lọ thủy tinh miệng rộng; Chậu thủy tinh; Cốc loại 1 lít;Thuốc tím (Potassium pemangannat e -KMnO4) | *lớp học* |
| 11 | Bài 10. Không khí và bảo vệ môi trường không khí | 3 | Tuần 6 | -4 bộ thí nghiệm, mỗi bộ gồm: 1cây nến nhỏ, 1 bật lửa, 1 chậu thủy tinh nhỏ, nước màu (dung dịch NaOH loãng, có pha vài giọt dung dịch phenol phtalein), 1 ống thủy tinh hình trụ thẳng đứng, trong suốt, có chia vạch, 1 đầu hở, 1 đầu kín, 1 khay để đồ.  -Hình ảnh 10.1; 10.2; 10.3 SGK/48,49 về thành phần không khí  -Hình ảnh 10.4 đến 10.13 SGK/50-52 về vai trò của không khí, ô nhiễm không khí, nguyên nhân gây ô nhiễm không khí và giải pháp chống ô nhiễm không khí  -Hình ảnh: dập tắt đám cháy xăng dầu nhỏ, đun bếp củi  -Biểu đồ về thực trạng ô nhiễm môi trường không khí | *lớp học* |
| 12 | Ổn tập chủ để 2+3 | 1 | Tuần 7 | Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về: *Các thể của chất;*  oxygen và không khí; hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| *Chủ đề 4: Một số vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực- thực phẩm thông dụng, tính chất và ứng dụng của chúng (7 tiết+ôn tập)* | | | | | |
| 13 | Bài 11. Một số vật liệu thông dụng | 2 | Tuần 7 | -Hình 11.1; 11.2 SGK/54,55 về một số vật liệu thông dụng  -Hình 11.3 đến 11.11 SGK/56-59 về tính chất và ứng dụng của một số vật liệu  - Dụng cụ, hóa chất:  + Thí nghiệm: giấm ăn, đinh sắt, miếng kính, miếng nhựa, miếng cao su, cốc thủy tinh.  + Thí nghiệm: đinh sắt, dây đồng, mẩu gỗ, mẩu nhôm, miếng nhựa, miếng kính, đèn cồn, kẹp sắt, diêm/bật lửa.  + Thí nghiệm: dây cao su, tẩy, xăng, nước nóng, nước lạnh, cốc thủy tinh | *lớp học* |
| 14 | Bài 12. Nhiên liệu và an ninh năng lượng | 2 | Tuần 7,8 | -Hình 12.1 SGK/60 về một số nhiên liệu trong đời sống  -Hình 12.2 đến 12.5 SGK/62-63 về cách sử dụng nhiên liệu an toàn và hiệu quả | *lớp học* |
| 15 | Bài 13. Một số nguyên liệu | 1 | Tuần 8 | -Hình 13.1 SGK/64 về một số nguyên liệu trong đời sống  -Hình 13.2 đến 13.4 SGK/65-66 về cách sử dụng nguyên liệu an toàn và hiệu quả | *lớp học* |
| 16 | Bài 14. Một số lương thực - thực phẩm | 2 | Tuần 8 | -Hình 14.1; 14.2 SGK/68-69 về một số lương thực - thực phẩm trong đời sống | *lớp học* |
| 17 | Ổn tập chủ đề 4 | 1 | Tuần 9 | Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về tính chất và ứng dụng của vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực và thực phẩm; hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| *Chủ đề 5: Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (5 tiết+1 tiết ôn tập)* | | | | | |
| 18 | Bài 15. Chất tinh khiết - Hỗn hợp | 3 | Tuần 9 | - Hình ảnh mô tả về hỗn hợp đồng nhất và không đồng nhất SGK/73  - Video thí nghiệm trộn 2 chất vào nhau tạo thành hỗn hợp, cách tăng độ tan của chất rắn trong nước.  - Một số vật liệu: cốc giấy, cốc nhựa, giấy báo, chai nhựa, lon nước ngọt…  - Dụng cụ, hóa chất\* sau:  +Ống nghiệm; công tơ hút; cốc thủy tinh; thìa thủy tinh; đũa thủy tinh; Ống đong hình trụ 100ml; Cốc thủy tinh loại 250ml; Thìa café nhỏ  +Nước cất, ethanol, dầu ăn, dầu hỏa; muối ăn, đường, bột mì, cát, thuốc tím, iodine, khí amonia, khí hydrogen chloride, khí oxygen, khí sulfuro, khí nitrogen; khí amoniac; giấm ăn, đường, bột sắn dây. | *lớp học* |
| 19 | Bài 16. Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp | 2 | Tuần 10 | -Hóa chất: nước, cát; muối ăn; dầu ăn  -Dụng cụ: bình tam giác; phễu lọc; giấy lọc; đũa thủy tinh; cốc thủy tinh 250ml; giá thí nghiệm; bát sứ; kiềng sắt; lưới amiăng; đèn cồn; diêm; phễu chiết chiết quả lê; Phễu lọc thủy tinh cuống ngắn  -Hình ảnh phương pháp tách chất: hình 16.1 đến 16.5 SGK/81-83 | *lớp học/, phòng học bộ môn* |
| 20 | Ôn tập | 1 | Tuần 10 | Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về chất tinh khiết, hỗn hợp, phương pháp tách chất và các kiến thức khác; hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| 21 | Kiểm tra giữa HKI | 1 | Tuần 10 | Công cụ kiểm tra, đánh giá | *lớp học* |
| *Chủ đề 6: Tế bào - đơn vị cơ sở của sự sống (7 tiết)* | | | | | |
| 22 | Bài 17. Tế bào | 5 | Tuần 11,12 | Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào thực vật\*  Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào động vật\*  Tranh/ảnh so sánh tế bào thực vật, động vật\*  Tranh/ảnh về cấu trúc tế bào nhân sơ\*  Tranh/ảnh so sánh tế bào nhân thực và nhân sơ\*  Hoặc: Hình 17.1- SGK/85; 17.2, 17.3- SGK/86; 17.4, 17.5 – SGK/87; 17.6 (a,b), 17.7 (a,b), 17.8 –SGK/88 ).  - Tranh cấu tạo tế bào, sự lớn lên và phân chia của tế bào.  - Video sự lớn lên của thực vật. | *lớp học* |
| 23 | Bài 18. Thực hành quan sát tế bào sinh vật | 2 | Tuần 12 | - Tranh, hình ảnh tế bào thực vật và động vật minh họa.  - Dụng cụ: Kính hiển vi quang học, kính lúp cầm tay, đĩa kính đồng hồ, lam kính, lamen, pipette, kim mũi mác, panh, bình thủy tinh.  - Hóa chất: Xanh methylene, nước cất.  - Bộ mẫu vật tươi: Trứng cá, củ hành, ếch sống. | *phòng học bộ môn /lớp học* |
| *Chủ đề 7: Từ tế bào đến cơ thể (6* tiết*+ 1 tiết ôn tập)* | | | | | |
| 24 | Bài 19. Cơ thể đơn bào và c/thể đa bào | 2 | Tuần 13 | Hình: cơ thể đơn bào 19.1SGK/92; cơ thể đa bào 19.2 SGK/93 | *lớp học* |
| 25 | Bài 20. Các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào | 2 | Tuần 13 | -Video về sự đa dạng giới sinh vật (nếu có)  - Tranh/ảnh về một số loại tế bào điển hình\*  -Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô - cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở thực vật\*  -Sơ đồ diễn tả từ tế bào - mô, cơ quan - hệ cơ quan - cơ thể ở động vật\*  -Mô hình: Cấu tạo cơ thể người\*  Hoặc: Mô hình, tranh ảnh về mô của một số thực vật, động vật hình 20.1; 20.2; 20.3 (a,b) SGK/94,95  -Sơ đồ mối quan hệ cơ quan- hệ cơ quan ở người SGK/96 | *lớp học* |
| 26 | Bài 21. Thực hành quan sát sinh vật | 2 | Tuần 14 | -Dụng cụ: Kính hiển vi, lam kính, lamen, pipette, giấy thấm, bông, giấy bìa, kim chỉ, keo dán  -Mẫu vật: nước ao hồ, nước đọng lâu ngày hoặc mẫu nuôi cấy. Mẫu thực vật có đầy đủ các đại diện biến dạng của rễ, thân, lá  -Bộ ảnh thực vật: cây cà rốt, cây khoai lang, cây cà chua, cây hành, cây xương rồng, cây nắp ấm, cây quất, cây lạc,…  -Mô hình tháo lắp cơ thể người hoặc tranh ảnh vẽ cấu tạo cơ thể người | *phòng học bộ môn/lớp học* |
| 27 | Ôn tập (chủ để 6+7) | 1 | Tuần 14 | Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về cấp độ tổ chức cơ thể sống, hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| *Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (38 tiết+2 tiết ôn tập)* | | | | | |
| 28 | Bài 22. Phân loại thế giới sống | 4 | Tuần 14,15 | -Sơ đồ các nhóm phân loại sinh vật\*  -Sơ đồ 5 giới sinh vật\*  - Hình ảnh một số sinh vật trong tự nhiên (thực vật, động vật, nấm, vi sinh vật,…)  - Poscard tên và hình ảnh một số loài sinh vật.  -Sơ đồ bậc phân loại sinh vật SGK/102  -Sơ đồ khóa lưỡng phân SGK/105 | *lớp học* |
| 29 | Bài 23.Thực hành xây dụng khoá luỡng phân | 1 | Tuần 15 | - Hình vẽ: 23.1; Sơ đồ khóa lưỡng bảy bộ côn trùng.  - Hình 23.2. Đại diện bảy bộ côn trùng.  - Bảng đặc điểm bảy bộ côn trùng.  - Bộ ảnh đại diện 5 giới sinh vật. | *lớp học* |
| 30 | Bài 24. Virus | 2 | Tuần 16 | Tranh/ảnh về Cấu tạo virus\*  Hoặc: Hình 24.1; 24.2 SGK/109 về hình dạng và cấu tạo của virus  -Hình vai trò của virus SGK/110-111  -Infoghapic về biểu hiện, con đường lây truyền, cách phòng tránh các bệnh do virut  -video về hậu quả của virut corona. | *lớp học* |
| 31 | Bài 25. Vi khuẩn | 2 | Tuần 16 | Tranh/ảnh về đa dạng vi khuẩn\*  Hoặc: Hình ảnh về hình dạng và cấu tạo của vi khuẩn 25.1 (a,b,c,d,e,g); 25.2 SGK/113,114  - Hình vai trò của vi khuẩn SGK/114-116  - Video về vai trò của vi khuẩn, vi khuẩn và sự kháng thuốc; phân biệt virut và vi khuẩn.  -Mẫu vật: thức ăn được bảo quản tốt, thức ăn bị ôi thiu, nước bị ô nhiễm.  -Dụng cụ: găng tay cao su, khẩu trang y tế. | *lớp học* |
| 32 | Bài 26. Thực hành quan sát vi khuẩn. Tìm hiểu các buớc làm sữa chua | 2 | Tuần 17 | \* Dụng cụ, hóa chất:  - Xanh methylene  - Kính hiển vi có độ bội giác 10x, 40x  - Lam kính, lamen, pipette, giấy lọc  - Chậu thủy tinh to  - Phích nước nóng, bình nước lạnh  \* Mẫu vật: Nước dưa, cà muối và tiêu bản mẫu  \* Ảnh chụp vi khuẩn trong dưa muối dưới kính hiển vi | *phòng học bộ môn /lớp học* |
| 33 | ÔN TẬP | 2 | Tuần 17 | Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức đã học | *lớp học* |
| 34 | Kiểm tra HKI | 2 | Tuần 18 | Công cụ kiểm tra, đánh giá | *lớp học* |
| 35 | Bài 27. Nguyên sinh vật | 5 | Tuần 18,19 | - Tranh/ảnh về một số đối tượng nguyên sinh vật\*  Hoặc: Hình 27.1 (a,b,c,d,e,g); 27.2 (a,b); 27.3 (a,b); 27.4 (a,b); 27.4 (a,b,c,d,e,g) SGK/119-122  -Video về hình ảnh nguyên sinh vật trong một giọt nước.  -Hình ảnh: một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra như: amip ăn não, trùng bệnh ngủ, cầu trùng...  -Hình ảnh: một số nguyên sinh vật có lợi như: Trùng lỗ, tảo đơn bào, trùng roi sống kí sinh trong ruột mối… | *lớp học* |
| 36 | Bài 28. Nấm | 5 | Tuần 19, 20 | - Tranh/ảnh về một số dạng nấm\*  Hoặc: Tranh, hình ảnh một số loại nấm: 28.1; 28.2; 28.3; 28.4; 28.5; 28.6; 28.7 SGK/124-130  - Mẫu vật thật: một số loại nấm phổ biến (nấm đùi gà, nấm hương, nấm sò, nấm mộc nhĩ,...)  - Kính lúp, khẩu trang cá nhân, găng tay, kim mũi nhọn, panh, kính đồng hồ. | *lớp học* |
| 37 | Bài 29.Thực vật | 4 | Tuần 21 | -Sơ đồ các nhóm Thực vật\*  Tranh/ảnh về Thực vật không có mạch (cây Rêu)\*  Tranh/ảnh về Thực vật có mạch, không có hạt (cây Dương xỉ)\*  Tranh/ảnh về Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần)\*  Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín)\*  Hoặc: Tranh ảnh hình 29.1(a,b,c,d); 29.2; 29.3; 29.4; 29.5; 29.6 (a,b); 29.7 SGK/131-136, mẫu vật thật: cây rêu, dương xỉ, cây thông, cây có múi (cam, chanh, …).  - Video hậu quả của việc chặt phá rừng, đốt rừng.  - Một số hình ảnh về sự suy giảm của thực vật, về biến đổi khí hậu. | *lớp học* |
| 38 | Bài 30. Thực hành phân loại thực vật | 1 | Tuần 22 | -Kính lúp, kéo, bút chì, dán nhãn  -Mẫu vật thuộc các nhóm: rêu, dương xỉ, quyết, hạt trần, hạt kín.  -Tranh ảnh về đại diện của các nhóm thực vật hình 30.1 SGK/138 | *lớp học/ phòng bộ môn* |
| 39 | Bài 31. Động vật | 6 | Tuần 22,23 | -Sơ đồ các nhóm động vật không xương sống và có xương sống\*  Tranh/ảnh về đa dạng động vật không xương sống\*  Tranh/ảnh về đa dạng động vật có xương sống\*  Hoặc: Hình ảnh các loài động có xương sống và không xương sống hình 31.1 (a,b); 31.2 (a,b,c,d); 31.3 (a,b,c,d,e); 31.4 SGK/140-146  -Biểu đồ về tỉ lệ số lượng các nhóm trong giới Động vật  -Tranh ảnh về tác hại của động vật trong tự nhiên  -Tranh ảnh về lợi ích của động vật trong tự nhiên | *lớp học* |
| 40 | Bài 32. TH quan sát và phân loại động vật ngoài thiên nhiên | 1 | Tuần 23 | -Vườn trường, công viên, ven đồi, ven núi, vườn quốc gia  - Dụng cụ: Máy ảnh, giấy bút, máy quay phim (nếu có). | *lớp học/ thực địa* |
| 41 | Bài 33. Đa dạng sinh học | 2 | Tuần 24 | -Video: Đa dạng thế giới sống\*  -Tranh ảnh về đa dạng sinh học ở các môi trường khác nhau, hình 33.1; 33.2; 33.3; 33.4; 33.5; 33.6; 33.7; 33.8; 33.9 (a,b,c,d,e); SGK/149-153  -Video: suy giảm đa dạng sinh học. | *lớp học* |
| 42 | Bài 34. Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên | 3 | Tuần 24,25 | -Vườn trường, công viên, ven đồi, ven núi, vườn quốc gia  - Dụng cụ: Sổ ghi chép, Kính lúp, Máy ảnh, giấy bút, máy quay phim (nếu có), Chậu lồng (Bôcan); Lọ thuỷ tinh, có ống nhỏ giọt; Phễu thuỷ tinh loại to; Kéo cắt cành; Cặp ép thực vật; Vợt bắt sâu bọ; Vợt bắt động vật thuỷ sinh; Vợt bắt động vật nhỏ ở đáy ao, hồ; Lọ nhựa; Hộp nuôi sâu bọ; Bể kính; Túi đinh ghim; Găng tay; Ống đong; Ống hút có quả bóp cao su | *thực địa /lớp học* |
| 43 | Ôn tập chủ đề 8 | 1 | Tuần 25 | Sơ đồ hệ thống hóa kiến thức về đa dạng thế giới sống, hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| *Chủ đề 9: Lực (14 tiêt+2 ôn tập)* | | | | | |
| 44 | Bài 35. Lực và biểu diễn lực | 2 | Tuần 25 | -Hình ảnh chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo 35.1; 35.2; 35.3; 35.4 SGK/157  -Hình ảnh độ lớn và hướng của lực 35.6 SGK/158  -Hình ảnh biểu diễn lực 35.7 SGK/158 | *lớp học* |
| 45 | Bài 36. Tác dụng của lực | 2 | Tuần 26 | -Hình ảnh có liên quan về kết quả tác dụng của lực 36.1; 36.2; 36.3; 36.4; 36.5; 36.6 SGK/160-161  - Bộ thiết bị chứng minh lực cản của nước\* | *lớp học* |
| 46 | Bài 37. Lực hấp dẫn và trọng lượng | 2 | Tuần 26 | - Mối nhóm: Giá đỡ, Lực kế, Lò xo, 3 quả nặng 100g  -Hình ảnh 37.1 (a,b); 37.2; 37.3 (a,b) SGK/163-164 | *lớp học* |
| 47 | Bài 38. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc | 1 | Tuần 27 | -Hình ảnh có liên quan về lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc 38.1 (a,b); 38.2; 38.3 (a,b,c,d) SGK/166-167  -Dụng cụ thí nghiệm: con lắc đơn, giá đỡ, nam châm | *lớp học* |
| 48 | Bài 39. Biến dạng của lò xo. Phép đo lực | 3 | Tuần 27 | -Bộ thiết bị chứng minh độ giãn lò xo\*  -Hình ảnh 39.1; 39.2; 39.3 SGK/168-170 về các dụng cụ sử dụng tính chất biến dạng của lò xo trong thực tế đời sống và kỹ thuật.  -Mỗi nhóm: Một giá treo, một chiếc lò xo, một thước chia độ đến mm, một hộp 4 quả nặng giống nhau, mỗi quả 50g, lực kế. | *lớp học* |
| 49 | Bài 40. Lực ma sát | 4 | Tuần 28 | -Tranh/ảnh mô tả sự tương tác của bề mặt hai vật\*  -Bộ thí nghiệm: lực kế, khối gỗ hình hộp, tấm thảm cao su; 2 tờ giấy A4  -Tranh, ảnh liên quan tới lực ma sát hình 40.1; 40.2; 40.3; 40.4; 40.5; 40.6; 40.7; 40.8; 40.9 SGK/172-175 | *lớp học* |
| 50 | Ôn tập chủ đề 9+giữa HKII | 2 | Tuần 29 | Sơ đồ hệ thống kiến thức về lực, hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| 51 | Kiểm tra giữa HKII | 1 | Tuần 29 | Công cụ kiểm tra, đánh giá | *lớp học* |
| *Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống (9 tiết + 1 tiết ôn tập)* | | | | | |
| 52 | Bài 41. Năng lượng | 4 | Tuần 29,30 | -Tranh, ảnh liên quan tới năng lượng hình 41.1 (a,b,c,d,e,f,g); 41.2 (a,b); 41.3 (a,b); 41.4 SGK/177-180 | *lớp học* |
| 53 | Bài 42. Bảo toàn năng lượng và sử dụng năng lượng | 5 | Tuần 30,31 | -Tranh, ảnh liên quan tới năng lượng hình 42.1; 42.2; 42.2; 42.3; 42.4; 42.5; 42.6; 42.7; 42.8 SGK/183-186 | *lớp học* |
| 54 | Ôn tập chủ để 10 | 1 | Tuần 32 | Sơ đồ hệ thống kiến thức về năng lượng và an ninh năng lượng, hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| *Chủ đề 11: Trái đất và bầu trời (9 tiết + 1 tiết ôn tập)* | | | | | |
| 55 | Bài 43. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời | 2 | Tuần 32 | - Tranh/ảnh về sự mọc lặn của Mặt Trời\*  Hoặc: Tranh, ảnh 43.1; 43.2; 43.3 SGK/188-189  -Mô hình: Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời | *lớp học* |
| 56 | Bài 44. Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng | 3 | Tuần 32,33 | - Tranh/ảnh về một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng\*  Hoặc: Hình ảnh 44.1; 44.2; 44.3; 44.4; 44.5 SGK/191-193 về mặt trăng và sự chuyển động của mặt trăng  -Dụng cụ: hộp giấy hình trụ (mặt trong tô đen); quả bóng, băng dính đen, kéo | *lớp học* |
| 57 | Bài 45. Hệ Mặt Trời và Ngân Hà | 4 | Tuần 33, 34 | - Tranh/ảnh về hệ Mặt Trời\*  - Tranh/ảnh về Ngân Hà\*  Hoặc: Tranh, ảnh hoặc mô hình hình 45.1: cấu trúc hệ mặt trời SGK/195  -Hình 45.2; 45.3,45.4; 45,5; 45.6; 45.7 SGK/196-198  -Mỗi nhóm HS: 01 giấy A2 đã vẽ sẵn các quỹ đạo của các hành tinh trong hệ mặt trời, 1 bộ hình các hành tinh trong hệ mặt trời | *lớp học* |
| 58 | Ôn tập chủ để 11 | 1 | Tuần 34 | Sơ đồ hệ thống kiến thức về trái đất và bầu trời, hệ thống bài tập, câu hỏi | *lớp học* |
| 59 | ÔN TẬP CUỐI NĂM | 3 | Tuần 34,35 | Sơ đồ hệ thống kiến thức đã học | *lớp học* |
| 60 | KIỂM TRA HKII | 2 | Tuần 35 | Công cụ kiểm tra, đánh giá | *lớp học* |

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)*

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |  | *Diên Phú, ngày 24 tháng 09 năm 2021*  **GIÁO VIÊN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

***Mai Ngọc Liên Mai Ngọc Liên***